|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Công nghệ thông tin,** | **Mã số: 7480201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Thiết kế nội dung truyền thông** | **1.2. Tên tiếng Anh: Media Content Design** |
|  | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian: [[1]](#footnote-1)** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Thực hành | 5 tiết |
| - Bài tập | 5 tiết |
| - Tự học | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Trần Quốc Phong |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Th.S. Phạm Văn Dũng |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Đồ họa ứng dụng |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Giúp sinh viên sinh viên có những ý tưởng sáng tạo, kiến thức cơ bản về nội dung truyền thông, tiến trình phát triển trong thời đại số. Cung cấp các công cụ về đồ họa, dựng phim để xây dựng những sản phẩm truyền thông. Giúp sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập, ứng dụng cơ bản thiết kế các sản phẩm truyền thông vào các hoạt động truyền thông của cơ sở.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần Thiết kế nội dung truyền thông cung cấp kiến thức để thiết kế tạo ra nội dung truyền thông đảm bảo được các yếu tố về tính sáng tạo, tính lan truyền, tính thẩm mĩ đưa nội dung cần diễn đạt đến với đông đảo người tiếp cận một cách hiệu quả nhất.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Thành thạo các công cụ xây dựng hình ảnh, cắt ghép và dựng phim để tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện cơ bản.

**2.2.3. Về thái độ**

Nhận thức về sự phát triển công nghệ truyền thông gắn liền với xu hướng phát triển trong xã hội hiện đại. Có thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức chủ động, sáng tạo, nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành..

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được các khái niệm và lý thuyết cơ bản về Thiết kế nội dung truyền thông, bao gồm các yếu tố quan trọng trong việc thiết kế nội dung, lên ý tưởng. |
| CLO2 | Nhận thức được kỹ năng thiết kế cơ bản, bao gồm cách sử dụng các công cụ và phần mềm thiết kế, lựa chọn màu sắc và kiểu chữ phù hợp, tạo hình ảnh và bố cục hiệu quả |
| CLO3 | Nắm được cách tạo ra các thiết kế đồ họa, bao gồm biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh và biểu tượng. |
| CLO4 | Hiểu được cách tạo ra nội dung đa phương tiện, bao gồm các video, âm thanh, hình ảnh và bố cục trang truyền thông xã hội. |
| CLO5 | Nhận thức được giá trị quan trọng của truyền thông, có ý thức tự học, tìm tòi sáng tạo và phát triển ý tưởng. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | R | R | I | I | I | I | I | I | R | I |
| CLO 2 | R | R | R | I | I | I | I | I | I | I |
| CLO 3 | M | R | I | R | I | I | I | R | I | I |
| CLO 4 | I | I | M | R | R | R | R | R | I | R |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  | R | M |
| Tổng hợp học phần | M | R | M | R | R | R | R | R | R | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X | CLO1  CLO5 | Theo Rubric 1 |
| A2. Bài tập (KTTX) | 35% | A2.1: Xây dựng ý tưởng trình bày nội dung truyền thông theo yêu cầu. | 50% |  | CLO1  CLO2 | Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm |
| A2.2: Thiết kế nội dung truyền thông cho một sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể. | 50% |  | CLO2  CLO3 |
| A4. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Viết/tiểu luận |  | X | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Chấm theo đáp án (viết) hoặc Rubric 6 (tiểu luận) |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=75% số buổi của HP. Nếu nghỉ >25% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3-5 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương)** | **Số tiết (LT/TH/BT/TL)** | **CĐR của bài học (chương)/chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
|  | **Chương 1: Thiết kế nội dung truyền thông**  1.1 Nội dung, mục tiêu và phương pháp thiết kế  1.2 Nguồn dữ liệu nội dung cho thiết kế truyền thông.  1.3 Lên kế hoạch và quản lý các công việc thiết kế nội dung.  1.4 Vai trò của công nghệ truyền thông | **4**  4/0/0/0 | 1.1. Hiểu được các khái niệm cơ bản thiết kế nội dung truyền thông  1.2. Nắm được nền tảng xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch cho nôi dung theo yêu cầu | CLO1,  CLO2 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | - Chuẩn bị: Tìm hiểu và làm quen khái niệm, thuật ngữ. Nghe giảng và đặt câu hỏi | A2.1 |
|  | **Chương 2: Xây dựng nội dung truyền thông**  2.1 Cách tạo ra ý tưởng và kịch bản sáng tạo.  2.2 Phân loại hình thức truyền thông  2.3 Kỹ năng viết và biên tập | **4**  4/0/0/0 | 2.1 Biết tạo ra kịch bản sáng tạo  2.2 Nắm được các kỹ năng xây dựng nội dung và biên tập nội dung một cách logic. | CLO1, CLO2 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | - Chuẩn bị: Nghe giảng, trả lời các câu hỏi | A2.1 |
|  | **Thực hành chương 2** | **2**  0/2/0/0 | 2.3 Nắm được các kỹ năng xây dựng nội dung và các phần mềm. | CLO1, CLO2,CLO3, CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | Chuẩn bị: Làm các bài thực hành theo yêu cầu | A2.1 |
|  | **Chương 3: Các ứng dụng thiết kế nội dung truyền thông**  3.1 Công cụ hỗ trợ thiết kế nội dung truyền thông.  3.2 Ứng dụng thiết kế nội dung ảnh  3.3 Ứng dụng thiết kế nội dung đa phương tiện video. | **4**  4/0/0/0 | 3.1 Nhận biết công cụ thiết kế phù hợp với nội dung cần truyền đạt.  3.2. Biết kết hợp các công cụ thiết kế vào sản phẩm truyền thông như Adobe Photoshop, Illustrator, nDesign, v.v. | CLO2, CLO3, CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | - Chuẩn bị:  Đọc tài liệu, nghe giảng và trả lời các câu hỏi. | A2.2 |
|  | **Thực hành chương 3** | **3**  0/3/0/0 | 3.3 Nắm được các phần mềm để thiết kế nội dung truyền thông | CLO1, CLO2,CLO3, CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | Chuẩn bị: Làm các bài thực hành theo yêu cầu | A2.1 |
|  | 3.4 Quản lý công cụ thiết kế  3.5 Quản lý nội dung thiết kế | **3**  3/0/0/0 | 3.3. Biết sắp xếp các file tệp và công cụ thiết kế hợp lý cho quá trình sản xuất nội dung | CLO2, CLO3, CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | - Chuẩn bị: Nghe giảng, trả lời các câu hỏi | A2.2 |
|  | **Chương 4: Đánh giá sản phẩm truyền thông**  4.1 Hình thức sản phẩm thiết kế  4.2 Nội dung sản phẩm thiết kế  4.3 Bản quyền nội dung | **3**  3/0/0/0 | 4.1. Biết đánh giá một sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh | CLO3, CLO4, CLO5 | - Thuyết trình, thảo luận  - Bài tập của sinh viên  - Sử dụng máy tính và projector | Chuẩn bị: Sản phẩm truyền thông được thực hiện trong quá trình học. | A2.3 |
|  | 4.3 Hiệu quả lan truyền của nội dung truyền thông  4.4 Tiêu chí đánh giá một dự án truyền thông | **2**  2/0/0/0 | 4.2. Đánh giá hiệu quả của sản phẩm truyền thông | CLO3, CLO4, CLO5 | - Thuyết trình, thảo luận  - Bài tập của sinh viên  - Sử dụng máy tính và projector | Chuẩn bị: Tìm hiểu các kênh phương tiên lan truyền thông tin | A2.3 |
|  | Bài tập | 5  0/0/5/0 | 4.3 Nắm được kiến thức tổng hợp | CLO3, CLO4, CLO5 | - Bài tập của sinh viên | - Làm bài tập | A3 |
| Theo lịch thi | Viết/Tiểu luận |  |  |  |  |  | A4 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng | 2022 | Giáo trình nhập môn truyền thông đa phương tiện | Nhà xuất bản thông tin và truyền thông |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Đỗ Hoa | 2008 | Xây dựng kế hoạch truyền thông | Time Universal Communications |
| 2 | PGS.TS Lương Khắc Hiếu | 2013 | Giáo trình lý thuyết truyền thông | NXB Chính trị Quốc gia và Sự thật |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
|  | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân, điện thoại thông minh | 1 | Chương 1 đến chương 4 |

**9. Rubric (phiếu đánh giá)**

Theo Phụ lục 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Trị, ngày 08 tháng 7 năm 2025*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Đậu Mạnh Hoàn** | **Trưởng bộ môn**  **TS. Hoàng Văn Thành** | **Người biên soạn**  C:\Users\Admin\Downloads\e492cbd497414e1f1750.jpg  **TS. Trần Quốc Phong** | |

1. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. [↑](#footnote-ref-1)